

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bình Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Tuất Mạnh;

2. Bà Trần Thị Thu Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Đ T T, sinh năm 1980

Địa chỉ nơi cư trú khi thụ lý vụ án: Thôn Đ N, xã T N, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai;

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Thôn Thôn L L, xã T Q, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh B D B, sinh năm 1978

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Đ N, xã T N, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đ T T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B D B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã X Q, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai vào ngày 06/9/2018, trước khi kết hôn chị đã có 01 đời chồng và đã có 02 con riêng, anh B cũng từng có 01 đời vợ và có 03 con riêng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, làm ăn tạo dựng kinh tế gia đình và anh B còn rượu chè, ghen tuông, dọa đánh chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng mà anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2021 không còn quan tâm đến nhau. Nay

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn với anh B D B.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Chị và anh B D B có với nhau 01 con chung cháu tên là B T Đ sinh ngày 29/9/2019, cháu Đ khoẻ mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, yêu cầu anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ số tiền 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Hiện nay ngoài việc chị đang trực tiếp nuôi cháu B T Đ, chị còn đang trực tiếp nuôi cháu H Đ L sinh năm 2010 là con riêng của chị; anh B đang trực tiếp nuôi dưỡng 01 con riêng của anh là cháu B T L sinh năm 2008.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## 2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B D B nhất trí với chị Đ T T về thời gian, điều kiện, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn và về con riêng của cả chị T và của anh chị như nội dung biên bản hoà giải. Nay chị T đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung họ tên cháu là B T Đ sinh ngày 29/9/2019, cháu Đ khoẻ mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang trực tiếp ở cùng với chị T. Anh không đồng ý ly hôn với chị T nên không đề nghị Toà án giải quyết về con chung, nếu chị T cương quyết ly hôn với anh thì về con chung của anh chị là cháu B T Đ để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh B D B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Như vậy: Về quan hệ hôn nhân; về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con anh chị không thoả thuận được với nhau nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét, căn cứ theo quy định của pháp luật để quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh B, anh B có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn Đ N, xã T N, HUYỆN B do vậy đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/9/2018 tại UBND xã X Q, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai, sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cả hai đều thừa nhận do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và làm ăn tạo dựng kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Do anh chị có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ. Việc chị T kiện ly hôn anh B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận hạnh phúc được gần 03 năm, cả anh và chị đều thừa nhận đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân với nhau, chị T đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh B, anh B không đồng ý ly hôn với chị T; trước khi kết hôn với nhau thì chị T cũng từng có 01 đời chồng và có 02 người con riêng, nay chị đang trực tiếp nuôi 01 con riêng của chị là cháu H Đ L sinh năm 2010, anh B cũng từng có 01 đời vợ và hiện nay đang trực tiếp nuôi dưỡng 01 con riêng của mình dẫn đến kinh tế gia đình gặp khó khăn, quá trình chung sống với nhau do mâu thuẫn mà chị T không còn yêu, quý trọng đối với anh B, hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa; trong năm 2021 chị T đã 02 lần nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh B, ngày 26/4/2021 Toà án đã ra thông báo trả lại đơn khởi kiện; ngày 30/8/2021 Toà án đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự giữa chị với anh B. Điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh B.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung cháu tên là B T Đ sinh ngày 29/9/2019.

Xét về việc giao con khi ly hôn thì chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng, còn anh B trình bày không đồng ý ly hôn với chị T, trường hợp chị T cương quyết ly hôn với anh thì để cháu Đ cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi cháu Đ. Xét nguyện vọng của cả anh và chị hơn nữa cháu Đ chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Về mức cấp dưỡng thì anh B làm nghề trồng trọt, khi nông nhàn anh đi làm thợ xây mức thu nhập bình quân hàng tháng được khoảng 5.000.000 đồng còn chị T làm nghề trồng trọt, chăn nuôi và đang nuôi con nhỏ nên thu nhập không đáng kể chỉ đảm bảo nuôi sống bản thân cùng con riêng và cháu Đ; để đảm bảo cho sự phát triển, sinh hoạt và học tập của con sau khi ly hôn nên buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ số tiền 800.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị T phải chịu án phí Ly hôn, anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội khóa 14;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đ T T được ly hôn với anh B D B.

2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Xử giao cháu B T Đ sinh ngày 29/9/2019 cho chị Đ T T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh B D B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B T Đ số tiền 800.000 đồng (tám

trăm nghìn đồng)/ 01 tháng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Đ T T phải chịu 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002811 ngày 18/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN B, tỉnh Lào Cai. Chị Đ T T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Anh B D B phải chịu 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã X Q,  
H. B, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

**Trần Bình Trọng**





